

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/DS-ST
Ngày 31 – 7 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Việt Khái
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1976; Địa chỉ: khóm 7, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 và ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1958 (đã chết ngày 20/6/2022 DL); Địa chỉ: khóm 3, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Thanh H: Chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Thanh H1 và anh Huỳnh Hoài A; Địa chỉ: khóm 3, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là con ruột của ông Huỳnh Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Y (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 20/8/2020 âm lịch (viết tắt AL), ông Huỳnh Thanh H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Đ có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Khi vay, hai bên không viết biên nhận vay tiền mà ông H viết giấy hợp đồng thế chấp nhà đất và ký tên vào giấy hợp đồng nhưng không có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Sau đó, vợ chồng ông H giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông H vào ngày 20/12/2019 cho bà giữ để làm tin. Quá trình thực hiện hợp đồng

vay, vợ chồng ông H đã đóng lãi cho bà đến ngày 02/5/2021 (AL) được 09 tháng lãi với số tiền 27.000.000 đồng thì ngưng, việc đóng lãi không có làm biên nhận. Hiện ông H đã chết, nhưng bà Đ cùng các con của ông bà không trả vốn và lãi cho bà nên tại phiên tòa, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ và chị N, anh H1, anh A trả một lần hết số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi từ ngày 05/3/2024 (DL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) theo mức lãi suất 1,66%/ tháng là 04 tháng 26 ngày với số tiền 8.078.666 đồng. Tổng hai khoản vốn và lãi, bà Y yêu cầu là 108.078.666 đồng và bà sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đ cùng các con của bà Đ. Đối với khoản lãi đã trả vượt quá quy định, bà Y cho rằng nếu bà Đ không yêu cầu điều chỉnh lại theo quy định thì bà không yêu cầu bà Đ cùng các con bà Đ trả lãi trong khoản thời gian từ ngày 02/5/2021 (AL) đến ngày 05/3/2024 (DL). Ngoài ra, bà Y không yêu cầu gì khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ (bị đơn) trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thanh H là vợ chồng, chung sống với nhau có 03 người con chung là Huỳnh Thanh H1, Huỳnh Thị N và Huỳnh Hoài A, riêng cha mẹ của ông H đã chết từ lâu. Ông H chết ngày 20/6/2022 (DL), không để lại di chúc. Trong thời gian chung sống vào ngày 20/8/2020 (AL), vợ chồng bà có vay của bà Huỳnh Thị Y số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Khi vay, vợ chồng bà có thể chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông H cho bà Y và có làm giấy hợp đồng viết tay do hai bên ký, hợp đồng không có công chứng chứng thực. Quá trình vay, bà là người trực tiếp đóng lãi cho bà Y đến ngày 20/8/2022 thì ngưng, việc đóng lãi không có làm biên nhận cũng không ghi sổ sách theo dõi và hiện bà không xác định số tiền đóng lãi là bao nhiêu. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà cùng các con trả nợ số tiền vốn và lãi là 108.078.666 đồng, bà cũng đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng số tiền lãi đã trả, do bà Y không yêu cầu tính lãi trong khoảng thời gian từ khi bà ngưng trả lãi cho đến ngày 05/3/2024 (DL) nên bà cũng không đặt ra yêu cầu điều chỉnh lại số tiền lãi đã trả.

Đối với anh Huỳnh Thanh H1, chị Huỳnh Thị N và anh Huỳnh Hoài A, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng anh H1, chị N cùng anh A không đến Tòa, không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Huỳnh Thanh H1, chị Huỳnh Thị N và anh Huỳnh Hoài A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Bên cạnh đó, tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2024, Tòa án đã ấn định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải yêu cầu bà Đ cung cấp tờ khai tổng chi đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H1. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa đương sự vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên cho Tòa án nên căn cứ vào lời khai của bà Đ và bà

Y xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H chỉ gồm: Bà Đ, chị N, anh H1 và anh A, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là có cơ sở.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn vào ngày 20/8/2020 (AL) có viết giấy viết tay ghi tiêu đề “giấy hợp đồng thế chấp nhà đất” được ông Huỳnh Thanh H ký tên. Mặc dù, giấy vay tiền có tiêu đề nêu trên nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận chỉ vay tiền chứ không thế chấp hay cầm cố tài sản và nguyên đơn cũng không quản lý, sử dụng nhà đất, bị đơn chỉ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông H cho nguyên đơn giữ để làm tin nên “giấy hợp đồng thế chấp nhà đất” không có công chứng chứng thực. Bên cạnh đó, các đương sự trình bày thống nhất với nhau về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất thỏa thuận khi vay và bị đơn thừa nhận số tiền vốn vay bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với mức lãi suất thỏa thuận khi vay là cao so với quy định của pháp luật và tại phiên tòa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trả lãi đến ngày 20/8/2022 (AL) trong khi nguyên đơn chỉ thừa nhận việc trả lãi đến ngày 02/5/2021 (AL) nên lời thừa nhận của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Lẽ ra, phải điều chỉnh mức lãi suất thỏa thuận khi vay và số tiền lãi đã trả theo quy định của pháp luật nhưng giữa các đương sự thống nhất với nhau về việc không điều chỉnh lại số tiền lãi đã trả và nguyên đơn cũng tự nguyện không tính lãi trong khoản thời gian bị đơn ngưng trả lãi cho đến ngày 05/3/2024 (DL) – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn và việc không yêu cầu tính lãi trong khoản thời gian trên là có lợi cho bị đơn bởi số tiền lãi bị đơn phải trả trong khoản thời gian trên sẽ nhiều hơn số tiền lãi đã trả được điều chỉnh theo quy định nên chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày 05/3/2024 (DL) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66%/tháng là có cơ sở, cụ thể:

Số tiền lãi tính từ ngày 05/3/2024 (DL) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024 DL) là: (04 tháng 26 ngày X 100.000.000 đồng) X 1,66%/tháng = 8.078.666 đồng.

[5] Từ [3] và [4] nêu trên, tổng số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 108.078.666 đồng (một trăm lẻ tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[6] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, hiện ông Huỳnh Thanh H đã chết nhưng anh H1, chị N và anh A không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của đương sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H phải có nghĩa vụ cùng bà Đ thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[8] Đối với việc thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông H vào ngày 20/12/2019, các đương sự thừa nhận việc bị đơn thế chấp và giao nguyên đơn giữ giấy chỉ nhằm để làm tin cho việc vay tiền nên khi vay, giữa các đương sự không ký hợp đồng thế chấp hay hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng không được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, từ khi vay cho đến nay nguyên đơn không quản lý, sử dụng nhà đất được cấp quyền sử dụng cho ông H. Do đó, nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận khi bị đơn cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H thanh toán xong nợ.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Thanh H1 và anh Huỳnh Hoài A trả cho bà Huỳnh Thị Y tổng các khoản với số tiền là 108.078.666 đồng (một trăm lẻ tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Thanh H1 và anh Huỳnh Hoài A không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Bà Huỳnh Thị Y có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Thanh H1 và anh Huỳnh Hoài A bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917427 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp đứng tên ông Huỳnh Thanh H vào ngày 20/12/2019 khi bà Đ, chị N, anh H1 và anh A thanh toán xong số tiền nợ cho bà Y.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Thanh H1 và anh Huỳnh Hoài A phải nộp số tiền 5.404.000 đồng (năm triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Huỳnh Thị Y không phải nộp. Ngày 25/3/2024, bà Y đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.911.000 đồng (ba triệu chín trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003324 được trả lại toàn bộ cho bà Y.

Bà Y, bà Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H1, chị N và anh A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân